

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ QUỐC BẢO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ QUỐC BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUOC BAO CONSULTANCY AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QBCI ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108386292

3. Ngày thành lập: 02/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 06, Hẻm 371/9/19 đường Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979696669

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619(Chính)
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
5.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
6.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
7.	Thu gom rác thải độc hại	3812
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ	5229

9.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Dịch vụ viễn thông cơ bản; + Dịch vụ thoại; + Dịch vụ truyền số liệu; + Dịch vụ truyền hình ảnh; + Dịch vụ nhắn tin; + Dịch vụ kết nối Internet; - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng + Dịch vụ thư điện tử; + Dịch vụ thư thoại; + Dịch vụ fax gia tăng giá trị; + Dịch vụ truy nhập Internet;	6190
10.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá (loại trừ đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm) Chi tiết: Đại lý mua bán, bán, ký gửi hàng hóa	4610
14.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
15.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
16.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
17.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về môi trường;	7490
18.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các toà nhà; Chôn chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ toà nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời;	4390
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
22.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
23.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

24.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
30.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;	4663
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
33.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
34.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
35.	Phá dỡ	4311
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản ;	6820

37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
40.	Tái chế phế liệu	3830
41.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
44.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
45.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
46.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy máy tính. - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
49.	Khai thác quặng sắt	0710
50.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
51.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
52.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

53.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Sản xuất chất phụ gia cho xi măng,	2029
54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
55.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
57.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6329
58.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
59.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7820
60.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
61.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh	4669
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
63.	Cho thuê xe có động cơ	7710
64.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
65.	Bán buôn tổng hợp	4690
66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
68.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (không bao gồm hoạt động môi giới hôn nhân)	9633
69.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

71.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
72.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
73.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
76.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn cho học sinh, sinh viên,	5590
77.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
78.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền.	5629
79.	Sản xuất giấy nhấn, bì nhấn, bao bì từ giấy và bì	1702
80.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
81.	In ấn	1811
82.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
83.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
84.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
85.	Sản xuất xe có động cơ	2910
86.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
87.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
88.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
89.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
90.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
91.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
92.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
93.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
94.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
95.	Bán buôn gạo	4631
96.	Bán buôn thực phẩm	4632
97.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

98.	Dịch vụ đóng gói	8292
99.	Đại lý du lịch	7911
100.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
101.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
102.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
104.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
105.	Khai thác và thu gom than non	0520
106.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
107.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
108.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
109.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
110.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
111.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
112.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa; - Kinh doanh lữ hành quốc tế;	7912
113.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (không bao gồm hoạt động cho thuê lại lao động)	7810
114.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
115.	Xây dựng công trình công ích	4220
116.	Xây dựng nhà các loại	4100
117.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
118.	Quảng cáo (không bao gồm hoạt động báo chí)	7310

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ MINH NGHĨA	Căn hộ 1006 Nhà N5D, Khu Trung Hòa – Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	70,000	0010730073 77	
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	70,000		
2	LÊ HOÀNG LONG	13 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	012458783	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		
3	PHẠM TUẤN ANH	Căn hộ 906 nhà N03, đường Trần Quý Kiên, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	011832749	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MINH NGHĨA

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 28/03/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 00107300737 7

Ngày cấp: 22/06/2017

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Căn hộ 1006 Nhà N5D, Khu Trung Hòa – Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ 1006 Nhà N5D, Khu Trung Hòa – Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội